TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 120 /2023/ HNGĐ-ST**
**Ngày: 29 - 5 -2023**
**"V/v Ly hôn giữa chị S và anh H"**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **TRẦN TÚ ANH**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp" Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Kim S**, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*2. Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

( Chị S xin vắng mặt, anh H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trần Thị Kim S trình bày:*** Do mai mối và sắp đặt của gia đình nên chị và anh H chính thức xác lập quan hệ vợ chồng năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân xã T năm 2008. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình

không hợp, thường hay cãi nhau nên mất hạnh phúc, anh chị đã ly thân khoảng 03 tháng nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 30/5/2009, hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung: không tranh chấp; nợ chung: Không có.

Chị S xin ly hôn anh H. Con chung chưa thành niên chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

***- Bị đơn anh Nguyễn Văn H dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.***

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Kim S khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn H, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim S ngày 10/4/2023 có đơn xin vắng mặt; đối với anh Nguyễn Văn H dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị S và anh H tiến đến hôn nhân năm 2007 trên cơ sở mai mối và sắp đặt của gia đình nên không có nhiều thời gian tìm hiểu nhau dẫn đến sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường hay cãi nhau. Chính quyền địa phương tuy không xác nhận được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng hiện tại anh chị không còn chung sống, con chung do chị S nuôi. Đối với anh H dù được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải, xét xử, không có ý kiến việc chị S ly hôn chứng tỏ anh không thiết tha đoàn tụ cùng chị. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, mục

đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị S được ly hôn với anh H là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 30/5/2009, hiện đang sống cùng chị S. Chị S yêu cầu nuôi cháu K. Đối với cháu K cũng có nguyện vọng sống cùng chị S, còn anh H không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị S. Xét thấy, con chung hiện đang được chị S nuôi dưỡng và vẫn phát triển bình thường. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung cũng như xem xét đến nguyện vọng của con chung Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu K cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung không tranh chấp; nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Kim S.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim S ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Con chung: Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 30/5/2009 cho chị Trần Thị Kim S nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Kim S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010970 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kim S, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN TÚ ANH**